

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở kỳ báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 11/03/2025 tại đường dẫn: capnuocnamdinh.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2024 đã được kiểm toán;

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN SỸ LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNH

Số 30 đường Cù Chính Lan, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định (gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đăng Quý	Chủ tịch (Miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 03 tháng 07 năm 2024 Miễn nhiệm Ủy viên Hội đồng Quản trị ngày 30 tháng 08 năm 2024)
Ông Nguyễn Sỹ Long	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 03 tháng 07 năm 2024)
Ông Đinh Văn Hòa	Phó Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Chiến	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 03 tháng 07 năm 2024)
Ông Trần Hồng Đức	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 08 năm 2024)
Ông Đỗ Hữu Minh	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Bảo	Ủy viên
Bà Kiều Hải Anh	Ủy viên

Ban Điều hành

Ông Đinh Văn Hòa	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 07 năm 2024)
Ông Nguyễn Sỹ Long	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 11 tháng 07 năm 2024)
Ông Trần Ngọc Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 07 năm 2024)
Ông Đỗ Hữu Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hồng Phấn	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Luyến	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Ngôn	Thành viên
Ông Trần Hồng Đức	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 08 năm 2024)
Ông Phạm Đình Tài	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 08 năm 2024)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Sỹ Long	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNH

Số 30 đường Cù Chính Lan, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Sỹ Long

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nam Định, ngày 10 tháng 3 năm 2025



Số: 053 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10 tháng 3 năm 2025, từ trang 04 đến trang 28 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Viết Thiệu
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 4244-2023-156-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNHSố 30 Cù Chính Lan, phường Vị Xuyên,
Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định**MẪU SỐ B 01-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.940.485.327	105.735.662.855
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	82.896.342.372	79.170.391.110
1. Tiền	111		14.773.410.865	32.170.391.110
2. Các khoản tương đương tiền	112		68.122.931.507	47.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.294.336.173	4.775.478.946
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	2.247.445.206	1.968.503.070
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	6.899.395.574	1.206.403.918
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.147.495.393	1.600.571.958
III. Hàng tồn kho	140	8	15.989.562.167	21.416.634.173
1. Hàng tồn kho	141		19.392.331.320	24.907.711.685
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.402.769.153)	(3.491.077.512)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		760.244.615	373.158.626
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		647.051.408	111.897.026
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	9	113.193.207	261.261.600
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		360.660.063.802	375.962.390.759
I. Tài sản cố định	220		325.775.782.199	346.108.214.649
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	325.528.367.855	345.661.500.331
- Nguyên giá	222		1.248.329.208.247	1.216.714.287.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(922.800.840.392)	(871.052.787.094)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	247.414.344	446.714.318
- Nguyên giá	228		1.702.865.000	1.702.865.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.455.450.656)	(1.256.150.682)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.007.554.497	16.295.412.802
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	18.007.554.497	16.295.412.802
III. Tài sản dài hạn khác	260		16.876.727.106	13.558.763.308
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	16.876.727.106	13.558.763.308
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		471.600.549.129	481.698.053.614

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNHSố 30 Cù Chính Lan, phường Vị Xuyên,
Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định**Mẫu số B 01-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		103.569.975.638	113.627.774.528
I. Nợ ngắn hạn	310		59.140.443.617	64.074.448.507
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.924.862.402	5.181.330.181
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	2.453.510.409	5.211.178.299
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	3.664.330.170	1.065.337.834
4. Phải trả người lao động	314		18.674.921.258	17.271.538.460
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	4.114.479.351	1.597.081.580
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	9.407.542.345	8.255.138.997
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	4.054.068.000	13.917.864.286
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.383.822.628	2.644.516.328
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.462.907.054	8.930.462.542
II. Nợ dài hạn	330		44.429.532.021	49.553.326.021
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	24.850.471.801	25.920.197.801
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	19.579.060.220	23.633.128.220
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		368.030.573.491	368.070.279.086
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	368.030.573.491	368.070.279.086
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		343.117.480.000	343.117.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		343.117.480.000	343.117.480.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(845.370.000)	(845.370.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.564.765.405	9.870.614.405
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.193.698.086	15.927.554.681
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		14.193.698.086	15.927.554.681
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		471.600.549.129	481.698.053.614

Nguyễn Sỹ Long
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nam Định, ngày 10 tháng 3 năm 2025Trần Thị Hồng Phấn
Kế toán trưởngVũ Đức Trọng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	277.709.914.944	270.142.295.337
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		277.709.914.944	270.142.295.337
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	184.831.890.166	177.927.787.283
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		92.878.024.778	92.214.508.054
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.149.411.206	696.241.336
7. Chi phí tài chính	22	24	2.342.055.788	3.938.123.108
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.342.055.788	3.938.123.108
8. Chi phí bán hàng	25	25	27.025.212.409	25.318.304.324
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	26.244.218.787	26.373.286.681
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		38.415.949.000	37.281.035.277
11. Thu nhập khác	31	26	1.541.944.168	1.650.043.775
12. Chi phí khác	32	27	2.335.832.399	1.751.395.734
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(793.888.231)	(101.351.959)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		37.622.060.769	37.179.683.318
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	4.260.655.803	4.138.104.637
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		33.361.404.966	33.041.578.681
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	975	849



Nguyễn Sỹ Long
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nam Định, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Trần Thị Hồng Phấn
Kế toán trưởng

Vũ Đức Trọng
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNHSố 30 Cù Chính Lan, phường Vị Xuyên,
Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định**MẪU SỐ B 03-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	37.622.060.769	37.179.683.318
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	53.470.188.211	66.625.573.053
- Các khoản dự phòng	03	(88.308.359)	(315.874.542)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(303.040.197)	(617.140.056)
- Chi phí lãi vay	06	2.397.411.395	3.938.123.108
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	93.098.311.819	106.810.364.881
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(181.203.601)	1.857.763.433
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	609.833.668	(7.196.560.790)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	8.197.961.051	(10.362.043.536)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(6.075.631.688)	(2.017.504.793)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.307.091.788)	(3.945.851.796)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.500.000.000)	(2.800.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.366.461.633)	(764.333.633)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	89.475.717.828	81.581.833.766
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(43.717.382.053)	(28.276.883.844)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.126.479.699	696.241.336
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(42.590.902.354)	(27.580.642.508)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	19.956.413.543
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(13.917.864.286)	(14.385.654.257)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.240.999.926)	(41.864.504.295)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(43.158.864.212)	(36.293.745.009)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm ($50 = 20 + 30 + 40$)	50	3.725.951.262	17.707.446.249
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	79.170.391.110	61.462.944.861
Tiền và tương đương tiền cuối năm ($70 = 50 + 60$)	70	82.896.342.372	79.170.391.110



Nguyễn Sỹ Long
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nam Định, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Trần Thị Hồng Phấn
Kế toán trưởng

Vũ Đức Trọng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Nước sạch Nam Định theo Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định về việc phê duyệt cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Nước sạch Nam Định.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600008000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 09 tháng 09 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 30 đường Cù Chính Lan, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Vốn điều lệ của Công ty là: 343.117.480.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 501 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 492 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn tỉnh Nam Định;
- Thi công lắp đặt công nghệ và đường ống cấp nước;
- Thi công xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn thiết kế các công trình nước;
- Sản xuất, kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư và hóa chất ngành nước.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh vật tư, hóa chất ngành nước và thi công lắp đặt công nghệ và đường ống cấp nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị	Địa chỉ
Trụ sở chính	Số 30 Cù Chính Lan, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
Chi nhánh Nước tinh khiết Thiên Trường	Số 30 Cù Chính Lan, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
Chi nhánh Cấp nước số 2 Trực Ninh	Tổ dân phố Bắc Giang, thị trấn Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.
Chi nhánh Chống thất thoát	Số 01 Đò Quan, phường Cửa Nam, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
Chi nhánh Xây lắp	Đường D3, Khu công nghiệp Hòa Xá, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
Chi nhánh Kinh doanh nước sạch Nam Định	Số 681 Trần Nhân Tông, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
Chi nhánh Cấp nước Vụ Bản	Thôn Quảng Cư, xã Tam Thanh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.
Chi nhánh Cấp nước Ý Yên	Khu E, thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.
Chi nhánh Cấp nước số 1 Trực Ninh	Đầu thôn Thượng, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 16
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10 - 13

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phần mềm máy tính	05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng và được ghi nhận vào sổ kế toán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí lắp đặt, thay đồng hồ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng tối đa 5 năm.

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty. Ngoài ra, Công ty thực hiện theo đối tiền đường trực dẫn góp trên phải trả người bán ngắn hạn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty xác định hoạt động kinh doanh nước của Công ty thuộc danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn về lĩnh vực xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường. Theo đó, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 10% với thu nhập từ hoạt động kinh doanh nước của Công ty.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định	Cổ đông chi phối
Công ty Cổ phần Thiết bị xử lý nước SETFIL	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Du lịch Nam Định	Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	Quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNHSố 30 Cù Chính Lan, phường Vị Xuyên,
Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	691.267.931	718.090.198
Tiền gửi ngân hàng	14.082.142.934	31.452.300.912
Các khoản tương đương tiền (i)	68.122.931.507	47.000.000.000
Cộng	82.896.342.372	79.170.391.110

Ghi chú:

- (i) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tại ngân hàng có thời hạn từ 1 đến 3 tháng với lãi suất từ 2,5%/năm đến 4,5%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường	1.263.946.000	481.104.400
Đối tượng khác	983.499.206	1.487.398.670
Cộng	2.247.445.206	1.968.503.070

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Tháng Tám	2.430.200.215	-
Công ty TNHH Xây dựng Cơ khí Minh Tân	3.234.540.600	-
Công ty Cổ phần DNP HAWACO	-	363.756.180
Công ty TNHH Cơ điện HAWACO	-	160.645.665
Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện	-	136.412.800
Công ty TNHH Thiết bị công nghệ Vinatech	-	274.428.000
Các đối tượng khác	1.234.654.759	271.161.273
Cộng	6.899.395.574	1.206.403.918

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn		
Bảo hiểm xã hội	443.132.770	403.578.378
Bảo hiểm y tế	44.700.013	40.704.022
Bảo hiểm thất nghiệp	56.327.071	45.913.827
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	1.603.335.539	1.110.375.731
Cộng	2.147.495.393	1.600.571.958

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.789.455.511	(3.027.409.505)	8.498.245.565	(3.137.756.238)
Công cụ, dụng cụ	575.760.285	(375.359.648)	501.821.542	(353.321.274)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.027.115.524	-	15.907.644.578	-
Cộng	19.392.331.320	(3.402.769.153)	24.907.711.685	(3.491.077.512)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã hoàn nhập dự phòng cho một số nguyên vật liệu chậm luân chuyển, kém phẩm chất đã đưa vào sử dụng trong năm với giá trị khoảng 110 triệu VND và trích lập dự phòng cho một số công cụ dụng cụ chậm luân chuyển, kém phẩm chất với giá trị khoảng 22 triệu VND.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	8.239.200.053	7.671.244.032	-	567.956.021
Thuế thu nhập cá nhân	-	15.451.728	998.762.342	1.125.963.720	111.749.650	-
Thuế tài nguyên	-	70.018.540	834.577.920	831.225.480	-	73.370.980
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	418.853.738	4.260.655.803	2.500.000.000	-	2.179.509.541
Thuế đất	261.261.600	-	3.213.941.662	3.473.759.705	1.443.557	-
Các loại thuế khác	-	561.013.828	989.652.800	707.173.000	-	843.493.628
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	-	57.195.265	57.195.265	-	-
Cộng	261.261.600	1.065.337.834	18.593.985.845	16.366.561.202	113.193.207	3.664.330.170

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	312.419.448.509	123.982.308.621	777.247.513.308	3.065.016.987	1.216.714.287.425
- Mua trong năm	-	1.063.000.000	471.413.272	-	1.534.413.272
- Đầu tư XD CB hoàn thành	5.337.479.410	5.026.982.375	24.402.578.785	-	34.767.040.570
- Giảm khác (i)	(223.149.023)	(657.152.164)	(3.741.231.833)	(65.000.000)	(4.686.533.020)
Số dư cuối năm	317.533.778.896	129.415.138.832	798.380.273.532	3.000.016.987	1.248.329.208.247
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	268.372.966.168	85.427.901.705	514.956.698.182	2.295.221.039	871.052.787.094
- Khấu hao trong năm	7.136.800.703	6.500.973.277	39.410.649.641	222.464.616	53.270.888.237
- Giảm khác (i)	-	-	(1.457.834.939)	(65.000.000)	(1.522.834.939)
Số dư cuối năm	275.509.766.871	91.928.874.982	552.909.512.884	2.452.685.655	922.800.840.392
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	44.046.482.341	38.554.406.916	262.290.815.126	769.795.948	345.661.500.331
Tại ngày cuối năm	42.024.012.025	37.486.263.850	245.470.760.648	547.331.332	325.528.367.855

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 508.630.846.454 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 483.481.532.877 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đang thế chấp các tài sản cố định hữu hình để bảo đảm cho các khoản vay tổ chức tín dụng.

Ghi chú:

(i) Giám theo quyết toán giá trị công trình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	<u>1.702.865.000</u>	<u>1.702.865.000</u>
Số dư cuối năm	<u>1.702.865.000</u>	<u>1.702.865.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	<u>1.256.150.682</u>	<u>1.256.150.682</u>
- Khấu hao trong năm	199.299.974	199.299.974
Số dư cuối năm	<u>1.455.450.656</u>	<u>1.455.450.656</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	<u>446.714.318</u>	<u>446.714.318</u>
Tại ngày cuối năm	<u>247.414.344</u>	<u>247.414.344</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 706.365.000 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 706.365.000 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dự án xây dựng nhà máy nước sạch tại xã Hải Minh, Hải Hậu (i)	14.925.015.824	-
Nâng công suất CN cấp nước Vụ Bản và LĐ mạng lưới đường ống cấp nước cho KV Ý Yên	265.605.088	7.060.366.797
Cải tạo nâng cấp hệ thống điện Trạm bơm cấp 2 CN sản xuất nước thành phố Nam Định	-	2.507.244.504
Dịch chuyển và thay thế cụm đồng hồ DN15 đến niên hạn kiểm định năm 2023	-	4.235.896.782
Công trình khác	<u>2.816.933.585</u>	<u>2.491.904.719</u>
Cộng	<u>18.007.554.497</u>	<u>16.295.412.802</u>

Ghi chú:

- (i) Đây là dự án triển khai theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 21/HDHTKD ngày 06 tháng 11 năm 2023, ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP. Dự án với tổng vốn đầu tư 616.908.000.000 VND, phân chia kết quả kinh doanh dựa theo tỷ lệ góp vốn đầu tư (Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định là 42% và Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP là 58%). Dự án đang trong quá trình đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNHSố 30 Cù Chính Lan, phường Vị Xuyên,
Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.836.340.602	3.107.114.820
Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ (i)	13.040.386.504	10.451.648.488
Cộng	16.876.727.106	13.558.763.308

Ghi chú:

- (i) Đây là chi phí thay thế và cải tạo các cụm đồng hồ theo khu vực cấp nước, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng ước tính kỹ thuật tối đa không quá 5 năm.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Trung tâm giám định chất lượng xây dựng tỉnh Nam Định	377.018.000	377.018.000	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Đức Tùng	496.898.839	496.898.839	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị tự động hóa SETFIL Việt Nam	454.175.807	454.175.807	454.175.807	454.175.807
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Minh Kỳ	392.300.079	392.300.079	471.573.478	471.573.478
Công ty Cổ phần Viwaseen3	-	-	921.018.400	921.018.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	-	-	781.140.178	781.140.178
Các đối tượng khác	1.204.469.677	1.204.469.677	2.553.422.318	952.330.497
Cộng	2.924.862.402	2.924.862.402	5.181.330.181	3.580.238.360

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường	822.284.250	2.905.617.583
Các đối tượng khác	1.631.226.159	2.305.560.716
Cộng	2.453.510.409	5.211.178.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trích trước các khoản chi phí tháng 12	1.493.261.487	952.740.666
Chi phí tổ chức hội nghị người lao động	599.677.852	148.500.000
Trích trước chi phí lãi vay	34.964.000	55.355.607
Chi phí phải trả khác	1.986.576.012	440.485.307
Cộng	4.114.479.351	1.597.081.580

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	9.407.542.345	8.255.138.997
<i>Phải trả ngắn hạn khác không là bên liên quan</i>	<i>9.397.400.740</i>	<i>8.244.997.392</i>
Phí nước thải còn phải trả	1.459.737.286	1.519.996.657
Phí dịch vụ môi trường rừng	7.008.408.108	5.687.607.640
Các khoản phải trả khác	929.255.346	1.037.393.095
<i>Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan</i>	<i>10.141.605</i>	<i>10.141.605</i>
Cổ tức còn phải trả UBND tỉnh Nam Định	10.141.605	10.141.605
b) Dài hạn	24.850.471.801	25.920.197.801
Tiền đường trực dân góp (i)	24.850.471.801	25.920.197.801

Ghi chú:

- (i) Tiền đường trực dân góp là tiền huy động từ các hộ dân khi Công ty làm các dự án nước sạch theo thỏa thuận giữa Công ty với đại diện cho các hộ dân và chủ trương của cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Nam Định.

Khoản tiền đường trực dân góp sẽ được ghi nhận dần vào doanh thu kinh doanh nước sạch theo khối lượng nước từng hộ dân sử dụng hàng kỳ với giá trị khấu trừ là 2.000 VND/m³.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	4.054.068.000	4.054.068.000	4.054.068.000	13.917.864.286	13.917.864.286	13.917.864.286
Vay ngắn hạn	-	-	-	9.863.796.286	9.863.796.286	9.863.796.286
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	-	-	9.863.796.286	9.863.796.286	9.863.796.286
Vay dài hạn đến hạn trả	4.054.068.000	4.054.068.000	4.054.068.000	4.054.068.000	4.054.068.000	4.054.068.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định (i)	4.054.068.000	4.054.068.000	4.054.068.000	4.054.068.000	4.054.068.000	4.054.068.000
b) Vay dài hạn	19.579.060.220	19.579.060.220	-	4.054.068.000	23.633.128.220	23.633.128.220
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định (i)	19.579.060.220	19.579.060.220	-	4.054.068.000	23.633.128.220	23.633.128.220

Ghi chú:

(i) Các hợp đồng vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định với lãi suất 9 - 10,8%/năm, mục đích vay để thanh toán chi phí dự án xây dựng công trình nước thô mới cho Nhà máy Nước sạch Vụ Bản, dự án bổ sung dây chuyền xử lý nước 3.000m3/ngày đêm của khu xử lý nước Vụ Bản.

Các hợp đồng trên được đảm bảo bằng các biện pháp như sau:

- Hợp đồng thế chấp số 01/2015/VCB.NDI; 02/2015/NHNT.NDI-TCTS; 01/2016/VCB.NDI-TC; 02/2016/VCB.NDI-TC;
- Tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 708031;
- Toàn bộ máy móc, thiết bị công nghệ, phương tiện truyền dẫn tại Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Trục Ninh, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định;
- Máy móc thiết bị, phương tiện truyền dẫn tại Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Trục Ninh, thị trấn Cổ Lễ, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định;
- Tài sản gắn liền với đất theo hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AK 920836 và AK 920829.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNHSố 30 Cù Chính Lan, phường Vị Xuyên,
Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Ghi chú (Tiếp theo):

Các khoản vay và nợ dài hạn được trả theo lịch biểu như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.054.068.000	4.054.068.000
Trong năm thứ hai	4.054.068.000	4.054.068.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	12.162.204.000	12.162.204.000
Sau năm năm	3.362.788.220	7.416.856.220
Cộng	23.633.128.220	27.687.196.220
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (đã được trình bày trong vay ngắn hạn)	4.054.068.000	4.054.068.000
Số phải trả sau 12 tháng	19.579.060.220	23.633.128.220

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

Đơn vị: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	343.117.480.000	(845.370.000)	8.738.760.740	19.382.595.565	370.393.466.305
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	33.041.578.681	33.041.578.681
Trích quỹ	-	-	1.131.853.665	(3.114.131.165)	(1.982.277.500)
Trả cổ tức	-	-	-	(33.382.488.400)	(33.382.488.400)
Số dư đầu năm nay	343.117.480.000	(845.370.000)	9.870.614.405	15.927.554.681	368.070.279.086
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	33.361.404.966	33.361.404.966
Trích quỹ (i)	-	-	1.694.151.000	(4.998.309.000)	(3.304.158.000)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	(29.436.121.280)	(29.436.121.280)
Chi thường Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (i)	-	-	-	(660.831.281)	(660.831.281)
Số dư cuối năm nay	343.117.480.000	(845.370.000)	11.564.765.405	14.193.698.086	368.030.573.491

Ghi chú:

(i) Các khoản phân phối lợi nhuận như sau:

Nội dung	Giá trị VND
a) Phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.304.158.000
Chi thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	660.831.281
Trích quỹ đầu tư phát triển	1.694.151.000
Phần tạm ứng cổ tức trong năm 2023	17.114.024.000
Phần còn lại chi trả trong năm 2024	10.268.414.400
b) Phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2024	
Tạm ứng cổ tức năm 2024	19.167.706.880

a) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ
đồng thường niên số 01-2024/NQ-ĐHCD ngày 24 tháng 4 năm 2024.b) Công ty tạm ứng cổ tức năm 2024 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09-2024/NQ-HĐQT
ngày 07 tháng 11 năm 2024 thì Công ty thực hiện tạm ứng 5,6% cổ tức năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Trong năm Công ty đã chi trả cổ tức còn lại của năm 2023 là 10.200.348.830 VND và đã tạm ứng cổ tức cho năm 2024 là 19.040.651.096 VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600008000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 09 tháng 09 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 343.117.480.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
UBND tỉnh Nam Định	169.843.150.000	49,50%	169.843.150.000	49,50%
Công ty Cổ phần Thiết bị xử lý nước SETFIL	17.262.670.000	5,04%	29.164.990.000	8,50%
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	46.320.860.000	13,50%	46.320.860.000	13,50%
Công ty Cổ phần Du lịch Nam Định	63.476.730.000	18,50%	63.476.730.000	18,50%
Cổ đông khác	45.377.070.000	13,22%	33.474.750.000	9,76%
Cổ phiếu quỹ mua lại của CBCNV	837.000.000	0,24%	837.000.000	0,24%
Cộng	343.117.480.000	100%	343.117.480.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	34.311.748	34.311.748
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	(83.700)	(83.700)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	34.228.048	34.228.048

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông là 10.000 VND/Cổ phiếu.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Kinh doanh nước sạch	262.219.153.298	254.247.437.765
Tư vấn thiết kế, lắp đặt công trình cấp nước	12.636.811.868	13.387.530.718
Nước uống Thiên Trường	2.853.949.778	2.507.326.854
Cộng	277.709.914.944	270.142.295.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Kinh doanh nước sạch	172.018.546.473	165.517.363.834
Tư vấn thiết kế, lắp đặt công trình cấp nước	12.194.994.475	12.271.486.478
Nước uống Thiên Trường	706.657.577	454.811.513
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng hàng tồn kho	(88.308.359)	(315.874.542)
Cộng	184.831.890.166	177.927.787.283

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.249.173.688	28.950.935.606
Chi phí nhân công	76.859.323.641	70.343.233.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.470.188.211	66.625.573.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.006.782.034	58.455.511.680
Chi phí khác bằng tiền	12.723.633.092	8.275.242.560
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(88.308.359)	(315.874.542)
Cộng	232.220.792.308	232.334.622.317

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.149.411.206	696.241.336
Cộng	1.149.411.206	696.241.336

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.342.055.788	3.938.123.108
Cộng	2.342.055.788	3.938.123.108

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	21.090.913.978	18.903.991.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.421.982.681	3.867.361.986
Các khoản chi phí bán hàng khác	512.315.750	2.546.950.414
Cộng	27.025.212.409	25.318.304.324
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	12.193.169.251	11.986.756.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.863.405.500	4.751.576.560
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.187.644.036	9.634.953.387
Cộng	26.244.218.787	26.373.286.681

26. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền phí nước thải giữ lại	1.389.057.330	1.358.977.450
Tiền phạt vi phạm quy chế sử dụng nước	101.000.000	154.290.000
Các khoản khác	51.886.838	136.776.325
Cộng	1.541.944.168	1.650.043.775

27. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phí phục vụ công tác thu tiền nước thải	1.161.716.386	1.190.000.000
Chi phí khác cho cán bộ công nhân viên	247.528.600	-
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	79.101.280
Các khoản khác	926.587.413	482.294.454
Cộng	2.335.832.399	1.751.395.734

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNHSố 30 Cù Chính Lan, phường Vị Xuyên,
Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	37.622.060.769	37.179.683.318
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế -	3.772.735.575	3.544.375.933
Chi phí không được trừ		
Thu nhập tính thuế	41.394.796.344	40.724.059.251
Thu nhập chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	40.416.279.280	40.067.072.132
Thu nhập chịu thuế suất phổ thông	978.517.064	656.987.119
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.237.331.341	4.138.104.637
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	23.324.462	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.260.655.803	4.138.104.637

Công ty xác định hoạt động kinh doanh nước của Công ty thuộc danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn về lĩnh vực xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường. Theo đó, Công ty áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 10% cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh nước của Công ty.

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế cho năm tài chính sau khi đã loại trừ các khoản chi phí không được trừ tạm tính như trình bày bên trên. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.361.404.966	33.041.578.681
Điều chỉnh cho các khoản:		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(3.304.158.000)
Chi thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	(660.831.281)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	33.361.404.966	29.076.589.400
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	34.228.048	34.228.048
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	975	849

Ghi chú:

- (i) Điều chỉnh giảm lợi nhuận phân bổ cho cổ đông năm 2023 do Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi và chi thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát dựa trên việc phân phối lợi nhuận chính thức từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại là 849 (số trước trình bày lại là 965).

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024, do đó chưa có cơ sở để xác định các khoản điều chỉnh lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu cổ đông.

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***30. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh Nam Định. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cấp nước và lĩnh vực xây lắp, lắp đặt các công trình phục vụ cho hoạt động cấp nước. Doanh thu từ lĩnh vực xây lắp, lắp đặt chiếm khoảng 3,6% tổng doanh thu tương ứng với tỷ trọng nhỏ, do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài các số dư với bên liên quan tại Thuyết minh số 17, số 19 Công ty còn có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Thiết bị xử lý nước SETFIL	80.863.000	-
Trả tiền mua hàng		
Công ty Cổ phần Thiết bị xử lý nước SETFIL	88.830.300	-
Chia cổ tức		
UBND tỉnh Nam Định	14.606.510.900	25.051.864.625
Công ty Cổ phần Thiết bị xử lý nước SETFIL	2.104.144.911	1.779.645.075
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	3.983.593.960	4.516.283.850
Công ty Cổ phần Du lịch Nam Định	5.458.998.780	6.188.981.175

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng Quản trị và lương Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng trong năm như sau:

<u>Thành viên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Ông Trần Đăng Quý	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, miễn nhiệm ngày 03/07/2024	346.094.449	465.141.012
Ông Nguyễn Sỹ Long	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 03/07/2024	569.888.101	452.703.428
Ông Đinh Văn Hòa	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 11/07/2024	527.204.868	395.897.093
Ông Trần Ngọc Chiến	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị ngày 03/07/2024	500.634.881	402.953.093
Ông Trần Ngọc Bảo	Ủy viên Hội đồng Quản trị	94.262.139	245.431.762
Bà Kiều Hải Anh	Ủy viên Hội đồng Quản trị	94.262.139	245.431.762
Ông Đỗ Hữu Minh	Ủy viên Hội đồng Quản trị	510.378.881	412.361.093
Ông Mai Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 11/07/2024	345.750.128	-
Bà Nguyễn Thị Luyến	Trưởng Ban Kiểm soát	488.634.881	363.368.010
Ông Nguyễn Văn Ngôn	Thành viên Ban Kiểm soát	279.821.947	231.879.098
Ông Trần Hồng Đức	Thành viên Ban Kiểm soát, miễn nhiệm ngày 30/08/2024	242.127.417	196.987.539
Ông Phạm Đình Tài	Thành viên Ban Kiểm soát, bổ nhiệm ngày 30/08/2024	241.639.622	-
Bà Trần Thị Hồng Phấn	Kế toán trưởng	500.814.881	414.713.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm chưa bao gồm 125.744.400 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm 2024 mà chưa được thanh toán và đã bao gồm 929.224.451 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm 2023 được thanh toán trong năm 2024 và đã bao gồm 6.724.739.615 VND là số tiền trả trước cho việc mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả, phải thu.

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 4.905.546.697 VND, là số tiền kết chuyển từ hàng tồn kho vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm, vì vậy một khoản tiền tương ứng cũng đã được điều chỉnh trên phần tăng giảm hàng tồn kho.



Nguyễn Sỹ Long
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nam Định, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Trần Thị Hồng Phấn
Kế toán trưởng

Vũ Đức Trọng
Người lập biểu